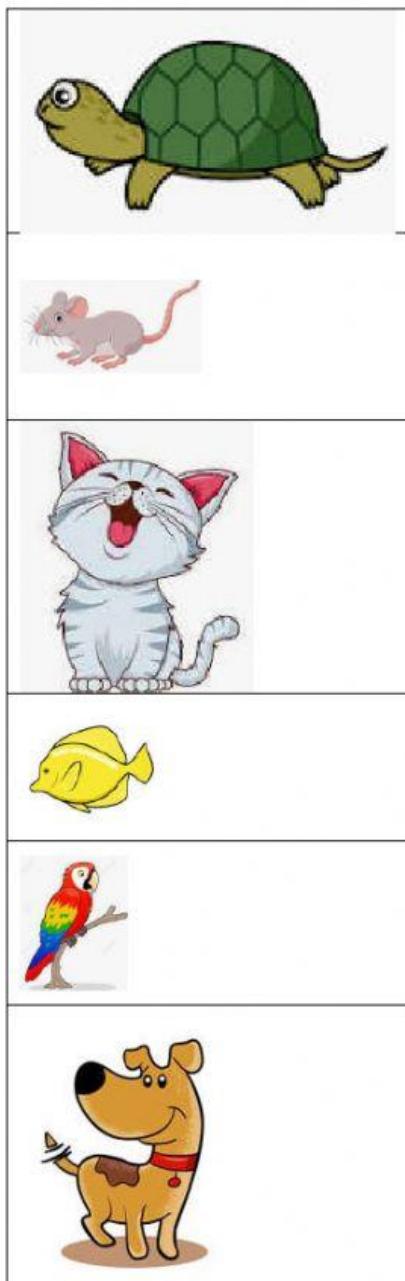


## HOMEWORK: WEEK 13

Exercise 1: Read and match. (Em hãy đọc và nối phần miêu tả với tranh thích hợp.)



1. It's small. It's yellow.

2. It's big. It's brown.

3. It's big. It's green.

4. It's small. It's red and blue and yellow.

5. It's big. It's grey.

6. It's small. It's grey.

**Exercise 2: Look and write. (Em hãy nhìn tranh và hoàn thành câu hỏi và câu trả lời.)**



1. What pets has he got?



=> **He's got a frog.**

2. What pets has she got?



=> .....

3. What pets has he got?



=> .....

4. What pets has she got?



=> .....

5. What pets has he got?



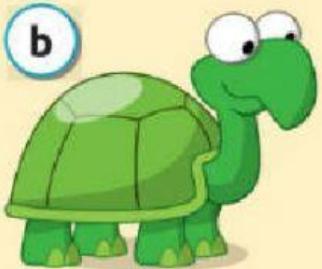
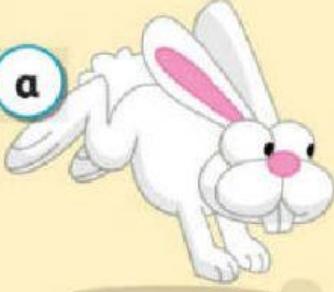
=> .....

6. What pets has she got?



=> .....

**Exercise 3: Read and choose the correct picture. (Em hãy đọc câu và chọn tranh đúng.)**

<p><b>1. It's a big cat.</b></p>	<p>1</p> <p><b>a</b>  <b>b</b> </p>
<p><b>2. It's a small tortoise.</b></p>	<p>2</p> <p><b>a</b>  <b>b</b> </p>
<p><b>3. It's a big dog.</b> <b>It's grey.</b></p>	<p>3</p> <p><b>a</b>  <b>b</b> </p>
<p><b>4. It's a small rabbit.</b></p>	<p>4</p> <p><b>a</b>  <b>b</b> </p>

**Exercise 4: Look, count and write number. (Em hãy nhìn tranh và đếm các bộ phận cơ thể)**



a

1. I've got ..... arms.
2. I've got ..... legs.
3. I've got ..... face.
4. I've got ..... head.
5. I've got ..... body.



b

1. I've got ..... faces.
2. I've got ..... legs.
3. I've got ..... arms.
4. I've got ..... heads.
5. I've got ..... toes.